

SỐ 2124

## TẬP HỢP DANH NGHĨA CỦA PHÁP MÔN

*Đông Cung Học sĩ Lý sư phụng sửa,  
tuyển chọn lời dạy của Dương Thành Công.*

Phàm, pháp thể xưa nay chan hòa vắng lặng, bình đẳng Tánh chơn, Danh, Tướng vốn không, ngôn từ đều dứt. Vậy mà, trí lực chứng chơn, rõ chẳng đồng duyên thể, người duyên vắng lặng, trở nên vô ngại biện tài. Nếu, miệng che không nói, ngu phàm giải thoát nhờ đâu? Vì thế “Vô thuyết” không ngại nơi ưa nói; “Trí tri” không tên, không hoại được giả tên. Vắng lặng nhờ tên mà thông suốt. Hẳn thì nêu pháp có tên, giải nghĩa của tên, thấm nhuần lý đạo, há việc không đáng ư?

Chỉ vì khắp ở sách kinh, có thể truy cứu, mong tập hợp gọn mà giải thích, hầu dễ xem đó.

Nay, do sở kiến, chỗ thiếu sót chưa tương, nên phân loại chia thành bảy phẩm: Phẩm Thân tâm, Quá hoạn, Công đức, Lý giáo, Hiền Thánh, Nhân quả, Thế giới.

Song, pháp môn vô lượng thức (biết) hèn có hạn, cũng như lấy ống dòm trời, nhái con đo biển, được cạn mất sâu, ngàn không một biết. Ngưỡng mong Học giả đạt thông mà bổ khuyết.

-----

## SỐ 2124

## TẬP HỢP DANH NGHĨA CỦA PHÁP MÔN

*Hán dịch: Đông Cung Học sĩ Lý sư phụng sửa,  
tuyển chọn những lời dạy của Dương Thành Công.*

Tóm lược tên gọi phận vị pháp số của các pháp môn.

**Thứ nhất: Danh nghĩa pháp môn trong phẩm Thân Tâm**

Bốn đại là Địa, Thủy, Hỏa, Phong hòa hợp thành thân. Địa là xương thịt, hình tướng. Thủy là huyết, tủy, thấm ướt. Hỏa là hơi ấm. Phong là hơi thổi ra vào.

Sáu đại là Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, và Thức. Bốn đại trước đã nói còn Không đại là trống rỗng. Thức đại là tâm phân biệt (liễu biệt tâm).

Năm ấm là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Năm ấm này hợp lại thành chúng sanh. Thế nào là Sắc ấm? Hình ngại là Sắc. Lãnh nhận là Thọ. Giả danh là tưởng. Phát khởi và tạo tác là Hành. Phân biệt rõ là thức. Thế nào là ấm? Ấm là ngăn che, tích tụ để thành chúng sanh.

Sáu căn là Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý do đây phát sanh sáu thức. Duyên trung gian nhiễm thức ấy là sáu trần. Mắt thọ nhận trần nào? Sắc rời loạn tưởng. Tai nhận lấy trần nào? Âm thanh buông lung chí. Mũi nhiễm trần nào? Hương xung dục ham muốn. Lưỡi nhận lấy trần nào? Vị tăng trưởng ham thích. Thân nhận lấy trần nào? Đắm nhiễm sự trơn láng. Ý nhiễm trần nào? Rong ruổi theo phân biệt. Thế nào gọi là Trần? Là được duyên với sáu căn hòa hợp làm tâm trí ô nhiễm, là nơi nhóm họp bụi trần. Sáu thức tùy theo trần làm chướng ngại trí không có Trần. Hành giả quán Không được giải (hiểu) Không có Trần, nên có thể không nhiễm Thanh, Sắc, lưỡi không ham mùi vị, không đắm trước trơn láng, không khởi phân biệt, hiểu rõ lý Vô tướng, được danh hiệu Thánh.

Chín thức là sáu thức trước từ Nhãn đến Ý đã giải thích trước. Thức thứ bảy là A-đà-na. Thức thứ tám là A-lê-da. Thức thứ chín là A-ma-la. Tất cả có chín thức. Thế nào gọi là A-đà-na? Là tiếng Ấn độ,

dùng nghĩa này để gọi thức của ngã kiến. Ngã kiến của phàm phu do đây mà phát khởi, làm chướng ngại trí tuệ Vô ngã, khiến không được sanh. Bậc Thánh như tu diệt tâm định mới có thể trừ được Hoặc này. Trừ bỏ Hoặc của Hữu ngã được trí Vô ngã. Thức A-lê-da là âm ngữ Ấn độ, dùng nghĩa này để gọi. Thức này có hai. Một là giữ gìn sắc của các căn khiến chúng không bị hoại. Hai là giữ gìn hạt giống (chủng tử) thanh tịnh, khiến cho không mất. Thức A-ma-la là âm ngữ Ấn độ, tiếng phương này (Trung quốc) dịch là Thức Bạch-tịnh, lại gọi là Phật tánh, cũng gọi là Pháp thân, thể tu các đức. Xưa nay vốn thanh tịnh, ở trong thể của bậc Thánh không tăng, người phàm cũng không giảm, chỉ có khác nhau ẩn hiện, không cao thấp sai khác. Khi phiền não che thì ẩn, trí tuệ rõ mới hiện, chẳng phải đã sanh nhân mà do hiểu nhân mà thành tự.

Mười hai nhập là mắt nhập, tai nhập, mũi nhập, lưỡi nhập, thân nhập, ý nhập, sắc nhập, thanh nhập, hương nhập, vị nhập, xúc nhập, pháp nhập. Sáu căn như nhãn... là sáu nhập trong. Sáu trần như sắc... tương đối đãi sanh ra thức là sáu nhập ngoài. Sáu nhập trong và sáu nhập ngoài gọi là mười hai nhập. Thế nào gọi là nhập? Căn trần đối đãi sanh thức, hòa nhập mà thọ nhận có thương ghét, gọi là nhập.

Mười tám giới là sáu căn, sáu trần, sáu thức. Tổng cộng ba thứ này là mười tám giới. Thế nào gọi là giới giới? Tánh phân biệt là nghĩa.

#### ***Thứ hai: Danh nghĩa pháp môn trong phẩm tội lỗi***

Nhị biên là Hữu kiến và Vô kiến. Lại có nhị biên là Đoạn kiến và Thường kiến. Hữu kiến là vì tánh pháp vốn không, không thể chấp có. Đoạn kiến là diệt nhân quả, vì nghiệp báo không mất, không thể đoạn trừ. Thường kiến là các pháp thường còn, vì pháp không có tướng Không, thì không thể là Thường. Sao gọi là Biên? Không, Hữu, Đoạn, Thường đều là sai lầm hạn hẹp, không hợp với trung đạo, nên gọi là Biên. Kinh Duy-ma dạy: Tuy thực hành Không mà gieo trồng các gốc công đức. Tuy thực hành vô tướng mà cứu độ chúng sanh. Tuy thực hành vô khởi (tác) mà sanh khởi tất cả việc lành. Đây gọi là Bồ tát thực hành mà xa lìa các biên kiến không còn chấp.

Ba độc là tham dục, giận dữ, ngu si. Ba độc này có thể sanh hàng vạn tội lỗi.

Năm dục là tham muốn Sắc, tham muốn Thanh, tham muốn Hương, tham muốn mùi Vị, tham muốn tiếp Xúc. Đây gọi là năm dục. Phước báo của trời người thọ năm dục lạc. Người tu tập đạo bỏ mà

không vướng mắc. Kinh Duy-ma dạy: Tuy phước đang có chớ nên tự ý buông lung, phải quán năm dục vô thường để tìm cầu gốc thiện, đối với thân mạng, tài sản mà tu tập pháp kiên cố.

Sáu giặc là sáu thức bị nhiễm trần có thể sanh ba độc làm hủy hoại công đức, nên so sánh với giặc. Kinh dạy: Giặc của thức này như khỉ vượn đuối theo sáu căn.

Tám đảo là chỉ Đại Niết bàn mới có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh mà ở chúng sanh không có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Ở nơi Vô kiến, Hữu kiến cho là lý vô biên chơn thật nên gọi là đảo. Trước bốn sau bốn gọi là tám đảo.

Bốn đảo là Thường đảo, Lạc đảo, Ngã đảo, Tịnh đảo. Ngã và hết thấy pháp không có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh mà chúng sanh thấy có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh nên có bốn đảo.

Năm cái (sự ngăn che) là: Tham dục, giận dữ, thù miên, trạo cử, nghi ngờ. Sao gọi là Cái? Là có thể che lấp người tu hành. Do ngăn che tâm mình khiến không sáng suốt. Đây gọi là Cái.

Bốn hoặc là Ngã kiến, Ngã mạn, Ngã ái, Vô minh, là do thức thứ bảy A-đàn-na sanh.

Tám tà (sai lầm) là: Tà Kiến, Tà Tư duy, Tà Ngữ, Tà Nghiệp, Tà Mạn, Tà Tinh tấn, Tà Niệm và Tà Định.

Chín não là ghét bạn tốt của ta, thương oán gia của ta và ghét thân ta. Ba loại này trái với tâm mình đều trải qua ba đời. Đây gọi là chín não.

Ba chương là Phiền não chương, Nghiệp chương, Báo chương.

Bốn ma là ma Phiền não, ma Âm, ma Tử, ma Thiên. Bốn loại ma này có thể thoát khỏi.

Mười triền là một là không hổ, hai là không thẹn, ba là ngủ, bốn là hối hận, năm là keo kiệt, sáu là ganh tỵ, bảy là đố kỵ, tám là ngủ mê, chín là giận và mười là che.

Ba lậu là Dục lậu, Hữu lậu và Vô minh lậu.

Sáu mươi hai kiến. Năm ấm trên ở đời quá khứ đều nói đủ trong bốn câu kệ, một là như khứ, hai là bất như khứ, ba là cũng như khứ, cũng bất như khứ, bốn là phi như khứ, phi bất như khứ. Năm ấm trên ở đời vị lai đều nói đủ trong bốn câu kệ, một là hữu biên, hai là vô biên, ba là cũng hữu biên cũng vô biên, bốn là phi hữu biên phi vô biên. Năm ấm trên ở đời hiện tại đều nói đủ trong bốn câu kệ, một là thường, hai là vô thường, ba là cũng thường cũng vô thường, bốn là phi thường phi vô thường. Mỗi ấm trên đều khởi bốn kiến nên năm ấm tổng cộng là

hai mươi kiến. Trong ba đời thì có tất cả sáu mươi kiến. Tổng mục đoạn kiến, vô kiến làm căn bản. Tổng cộng là Sáu mươi hai tà kiến.

Mười Sử phiền não. Một là Thân kiến, hai là Biên kiến, ba là Kiến thủ, bốn là Giới thủ, năm là Tà kiến, sáu là Tham, bảy là Sân, tám là Si, chín là Mạn, mười là Nghi. Năm loại Tà kiến đầu gọi là lợi sử. Năm loại Tà kiến sau gọi là độn sử. Năm loại lợi sử là phiền não Kiến đế, có khả năng mê mờ khiến không thấy rõ chơn thật (mê lý). Năm loại độn sử là phiền não của Tu đạo có khả năng chướng ngại tu hành đối với sự (mê sự). Bạc Tu-đà-hoàn đoạn phiền não Kiến đế hết. Bạc Tư-đà-hàm, A-na-hàm đoạn phiền não Tu đạo mà chưa hết. Bạc A-la-hán đoạn hai vòng (Nhị luân) phiền não Kiến đế và Tu đạo trong ba cõi đều hết, nên không sanh trong ba cõi. Trong pháp tiểu thừa dùng Kiết sử này để nói rõ phiền não. Trong giáo lý đại thừa thì lấy năm Trụ để nói rõ phiền não.

Năm Trụ địa phiền não là Trụ địa Kiến nhất thiết xứ, Trụ địa Dục ái, Trụ địa Sắc ái. Tiểu thừa có ba quả bốn hướng. Bốn trụ trước đoạn dần dần phiền não mà chưa hết nên ở trong ba cõi, chịu Phân đoạn sanh tử. A-la-hán, Phật Bích chi, Tam hiền địa đầu của Bồ tát cho đến mười trụ, trở lại đoạn hết phiền não trong bốn trụ địa, nên thoát khỏi Phân đoạn sanh tử trong ba cõi, nhưng có trụ địa vô minh đang đoạn từ từ chưa hết, nên còn chịu Biến dịch sanh tử ngoài ba cõi. Kinh dạy: A-la-hán, Phật Bích Chi và đại lực Bồ tát là do ba loại ý sanh thân đều thọ Biến dịch sanh tử.

Ba loại ý sanh thân là địa thứ nhất, địa thứ hai và địa thứ ba gọi là Ma bạc đề ý lạc mà sanh thân. Địa thứ bốn, năm, sáu gọi là Giác pháp tự tánh tánh ý sanh thân. Địa thứ bảy, tám, chín và mười gọi là Chung loại câu sanh vô hành tác ý sanh thân.

***Thứ ba: Danh nghĩa pháp môn trong phẩm Công đức.***

Tam quy là quy Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Tứ y là y pháp không y người, y nghĩa không y lời, y trí không y thức, y kinh liễu nghĩa không y kinh không liễu nghĩa.

Năm giới, một là không giết hại, hai là không trộm cắp, ba là không tà dâm, bốn là không nói dối, năm là không uống rượu. kinh Tịnh độ dạy: Người giữ gìn giới chắc chắn được trời sai năm vị thần bảo vệ. Người giữ gìn năm giới hoàn chỉnh được hai mươi lăm vị thần giữ cửa, không khiến gặp ác.

Tám giới, một là không giết hại, hai là không trộm cắp, ba là

không dâm dục, bốn là không nói dối, năm là không uống rượu, sáu là không đeo vòng hoa chuỗi hạt xoa ướp dầu thơm, bảy là không ca múa xướng hát cố ý xem nghe, tám là không được ngồi giường cao dài rộng. Đây là giới của xuất gia mà người tại gia chỉ giữ trong một ngày đêm.

Mười giới Vô tận, một là không giết hại, hai là không trộm cắp, ba là không dâm dục, bốn là không nói dối, năm là không bán rượu, sáu là không nói dối Bồ tát tại gia và xuất gia, bảy là không vì tham lợi mà khen mình chê người, tám là không bôn xển keo kiệt, chín là không sân giận, mười là không cố ý hủy báng Tam bảo tạng (Kinh, Luật, Luận), từ thân này đến thân Phật không được hủy phạm. Nếu phạm tội thì mất bốn mươi hai pháp của Hiền thánh. Đây là giới của Bồ tát.

Ba tụ giới thanh tịnh là đoạn trừ tất cả ác tức là Nhiếp luật nghi giới. Tu tập mọi việc lành tức là Nhiếp thiện pháp giới. Độ thoát tất cả chúng sanh tức là Nhiếp chúng sanh giới. Ba tụ giới này là đạo Bồ tát. Một là không giết hại, hai là không trộm cắp, ba là không tà dâm, bốn là không nói dối, năm là không nói thêu dệt, sáu không nói hai lưỡi, bảy là không nói thô ác, tám là không tham dục, chín là không sân giận, mười là không tà kiến. Trong luận Thập địa có có năm loại thập thiện. Một là mười thiện của trời người, hai là mười thiện của Thanh văn, ba là mười thiện của Duyên giác, bốn là mười thiện Bồ tát, năm là mười thiện của Phật. Sự khác nhau của năm loại nghĩa rất rộng, nói nhiều trong luận, ở đây không trình bày.

Sáu Niệm: Thứ nhất niệm Phật, Phật là đấng cha lành Vô thượng của chúng sanh. Thứ hai là niệm Pháp, Pháp là thuốc tốt trị phiền não của chúng sanh. Thứ ba là niệm Tăng, Tăng là ruộng phước ba thừa của chúng sanh. Thứ tư là niệm Giới, Giới là phòng ngừa việc quấy, đình chỉ việc ác của chúng sanh. Thứ năm là Niệm Xả, Xả là từ bỏ các tính keo kiệt chấp trước tạp nhạp của chúng sanh. Sáu là niệm Thiên, Thiên là quả báo thanh tịnh của chúng sanh. Thiên này chẳng phải trời của ba cõi mà chính là Đệ nhất nghĩa, thanh tịnh nên gọi là Thiên.

Sáu pháp Hòa kính là thân cùng ở, miệng cùng hòa, ý cùng nghĩ, giới cùng tu, thí cùng hưởng, kiến cùng giải, gọi là sáu pháp cùng. Cùng tu tập pháp của Phật xa lìa các kiêu mạn, tranh chấp nên gọi là Hòa kính, cũng gọi là Chất trực tâm.

Sáu Độ là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Đáo bỉ ngạn gọi là Độ. Nước Ấn độ chánh âm là Ba-la-mật. Ba-la là nói bờ bên kia. Mật là nói đến, tức là đến bờ bên kia. Nếu không đạt được ba việc Không thì tuy thực hành sáu việc thiện mà chỉ gọi là bố

thí, giới chứ không gọi là Ba-la-mật.

Mười Ba-la-mật, Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ là sáu, thứ bảy là phương tiện Ba-la-mật, thứ tám là Nguyện, thứ chín là Lực, thứ mười là Tuệ.

Tứ Nhiếp pháp là Bồ thí, Ái ngữ, Lợi ích, Đồng sự. Bồ tát dùng bốn Nhiếp pháp này để giáo hóa chúng sanh, nên gọi là bốn Nhiếp pháp.

Bốn Tâm vô lượng là vô lượng Từ, vô lượng Bi, vô lượng Hỷ, vô lượng Xả. Từ có thể ban vui lợi ích, gọi là Từ, do duyên Từ không có giới hạn gọi là vô lượng. Bi thương xót cứu giúp các khổ nạn gọi là bi. Hỷ là mừng cho người khác được. Xả là xả bỏ thương ghét, tâm luôn bình đẳng, xa lìa ba tâm trước, không chấp vào tướng gọi là Xả, nghĩa vô lượng đều giải thích như trước.

Tám sự giác ngộ của bậc Đại nhơn là: Ít muốn, biết đủ, vắng lặng, tinh tấn, không quên nhớ nghĩ, trí tuệ chân chánh, định chân chánh, không luận bàn vô ích.

Bốn việc cần thân cận là thân cận bạn tốt, lắng nghe chánh pháp, buộc tâm tư duy và như pháp tu hành.

Ba minh là rõ được Túc mạng ở quá khứ, rõ Thiên nhân ở vị lai, rõ Lậu tận ở hiện tại.

Sáu Thông một là Thân thông, hai là Thiên nhãn, ba là Thiên nhĩ, bốn là Tha tâm, năm là Túc mạng, sáu là Lậu tận, vượt qua các ngăn cách không ngại, gọi là Thông.

Tám giải thoát, thứ nhất trong có sắc, quán sắc ngoài, là quán bất tịnh đầu tiên. Vì đạo quán chưa mạnh không thể diệt trừ sắc thân trong, chỉ quán sắc bên ngoài như các cây chết phình trướng có thể trừ được dục trói buộc nên gọi là giải thoát. Thứ hai bên trong không có sắc, quán sắc ngoài do tu tập lâu ngày, quán đạo càng mạnh, có thể tự mình diệt được các tướng sắc thân, chỉ quán sắc bên ngoài như cây chết phình trướng. Thứ ba là giải thoát tịnh, các màu xanh, vàng, đỏ, trắng đáng yêu gọi là tịnh, quán xét xa lìa trói buộc của tịnh, gọi là giải thoát tịnh. Thứ tư giải thoát không xứ, mong cầu cõi Vô sắc, gọi là Không xứ. Lìa sự trói buộc Bốn ấm ở Không xứ, gọi là giải thoát Không xứ. Thứ năm là giải thoát Thức xứ, cảnh Không quá rộng, duyên nhiều thì buộc, chán cảnh giữ tâm, gọi là Thức. Lìa bốn ấm trói buộc ở Thức xứ, gọi là giải thoát Thức xứ. Thứ sáu là giải thoát Vô xứ hữu xứ. Vì Thức nhiều khiến tâm dẫn đến loạn, hẹp. Nếu tâm cảnh đều quên gọi là Vô xứ hữu xứ, diệt trừ được những trói buộc này gọi là giải thoát. Thứ bảy giải

thoát Phi tướng Phi phi tướng xứ, tâm cảnh thô nên không thể hiện hành nữa. Người ngoại đạo gọi là vô tâm hành. Tánh trong pháp Phật hướng về cũng còn suy nghĩ vi tế. Đây là kết hợp. Nội, Ngoại đạo nên nói Phi tướng Phi phi tướng xứ. Thứ tám giải thoát định Diệt tận, tâm pháp đều dứt, gọi là giải thoát định Diệt tận, diệt các tâm, pháp, lia những lỗi ở tâm, gọi là giải thoát. Những pháp này gọi là tám Giải thoát, cũng gọi là tám Bội xả, chứng đắc trên xả bỏ dưới gọi là Bội xả, là tám giải thoát.

Ba tuệ là Văn tuệ, Tư tuệ, Tu tuệ.

Hai trí là: Thật tướng, Phương tiện. Lại có hai trí: Như lý, Như lượng.

Bốn trí: Trí biết sanh mạng đã hết, trí biết phạm hạnh đã thành, trí biết việc làm đã làm xong, trí biết không còn thọ đời sau.

Hai đạo, một là kiến đạo, hai là Tu đạo. Kiến đạo kiến đạo là tỏ rõ lý gọi là Kiến (thấy), càng rõ hơn gọi là Tu, Kiến là giải vậy. Tu đạo, Tu là thực hành tu tập, có thể trừ các chướng ngại, gọi là đạo.

Bốn Tu là tu không gián đoạn, tu thời gian dài, tu cung kính, tu không sót. Tu không gián đoạn là ác và vô ký không có ngăn cách nên gọi là vô gián. Tu thời gian dài là ba đại A tăng kỳ kiếp thời gian này dài lâu. Tu cung kính là kính người trọng pháp hết lòng chí thành. Tu tất cả là tu lòng từ bi lớn làm lợi ích cho mọi người, chúng sanh và khắp pháp giới, tu trí tuệ nhiệm mầu, thực hành để lợi mình, chứng pháp nhân vô sanh, đầy đủ tất cả biến khắp nơi, gọi là tu không sót (vô dư).

Mười trí, một Pháp trí, hai: Tỉ Trí, ba là Thế trí, bốn là Tha tâm trí, năm là Khổ trí, sáu Tập trí, bảy là Diệt trí, tám là Đạo trí, chín là Tận trí, mười là Vô sanh trí.

Năm nhẫn, một là Phục nhẫn, hai là Tín nhẫn, ba là Thuận nhẫn, bốn là Vô sanh nhẫn, năm là Tịch diệt nhẫn. Ba bậc tam Hiền trước của Bồ tát đắc được Phục nhẫn. Từ địa thứ nhất, hai, ba của Bồ tát đắc được Tín nhẫn. Từ địa thứ tư, năm, sáu đắc được Thuận nhẫn. Từ địa thứ bảy, tám, chín đắc được Vô sanh nhẫn. Địa thứ mười là Phật đắc được Tịch diệt nhẫn.

Mười tướng là: Tướng về Vô thường, Khổ, Không vô ngã, nhàm chán thức ăn, tất cả thế gian đều không an vui, chết, bất tịnh, đoạn trừ, lìa dục là và Tận.

Bốn thiền là hành thiền của phàm phu ngu si, là thiền quán xét về nghĩa tướng, là thiền duyên chơn như, là thiền định của chư Phật Như lai.

Mười hai Đầu đà, một là suốt đời xin ăn. Hai là ở nơi vắng lặng.



Ba là mặc y phẩn tảo. Bốn là ngày ăn một bữa. Năm là thường ngồi thiền định. Sáu là sau giờ ngộ không ăn phi thời. Bảy là sau giờ ngộ không uống nước trái cây. Tám là chỉ có ba y. Chín là mặc áo lông thú nhỏ. Mười là ngồi dưới gốc cây. Mười một là ở chỗ đất trống. Mười hai là ở chốn nghĩa địa.

Mười Nhất thiết xứ là Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, Không, Thức... là Nhất thiết xứ.

Tám nơi Thù thắng. Một là tướng trong có Sắc, quán sắc ngoài ít. Hai là tướng trong có sắc, quán sắc ngoài nhiều. Ba là tướng trong không sắc, quán ngoài sắc ít. Bốn là tướng trong không sắc, quán ngoài sắc nhiều. Năm là tướng trong không sắc, quán sắc ngoài màu xanh ít. Sáu là tướng trong không sắc, quán sắc ngoài màu vàng nhiều. Bảy là tướng trong không sắc, quán sắc ngoài màu đỏ ít. Tám là tướng trong không sắc, quán sắc ngoài nhiều màu trắng.

Năm phần pháp thân là: Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát, Giải thoát tri kiến. Giới là ngăn ngừa điều quấy, dứt việc ác. Định là tâm an trú một cảnh. Tuệ là quyết đoán các duyên. Giải thoát thân là dứt hẳn trói buộc. Giải thoát tri kiến thân là giải thoát trong duyên, suy xét tường tận. Năm phần pháp thân này là Thể, công đức của Phật nên gọi là thân.

Bảy Tịnh là: Giới, Định, Kiến, độ thoát, Đạo chẳng phải đạo, thực hành để đoạn trừ, pháp Bồ đề tối thượng.

Bảy Tài là: Tín, Giới, Thí, Văn, Tuệ, Tàm và Quý vì có khả năng hỗ trợ tư lương cho chánh đạo nên gọi là tài.

Bốn tướng là mình ngay thẳng, ngay thẳng cho người, có thể tùy theo hỏi mà trả lời, khéo giải nghĩa nhân duyên.

Bốn Tâm là: Tâm rộng lớn, Tâm đệ nhất, Tâm thường, Tâm không điên đảo.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo: Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Tám chánh đạo tổng cộng là Ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Bốn niệm xứ là đại thừa và tiểu thừa tên gọi có khác. Bốn niệm xứ của tiểu thừa là: Quán Thân bất tịnh, quán Thọ là khổ, quán Tâm sanh diệt, quán Pháp vô ngã. Bốn niệm xứ của đại thừa là: Quán Thân như hư không, quán Thọ trong ngoài đều không, quán Tâm chỉ là tên gọi, quán Pháp thiện ác đều bất khả đắc. Bốn chánh cần là: Pháp ác chưa sanh tìm cách làm không sanh. Pháp ác đã sanh tìm cách khiến cho diệt. Pháp thiện chưa sanh tìm cách cho nó sanh. Pháp thiện đã sanh làm cho tăng trưởng. Bốn như ý túc là: Dục, Niệm, Tinh

tấn và Tuệ. Năm căn là: Tín, Tấn, Niệm, Định và Tuệ, trước có thể sanh ra sau gọi là căn. Năm lực là: Tín, Tấn, Niệm, Định và Tuệ, trước có năng lực truyền lại sau, vì chính yếu này nên gọi là lực. Bảy giác chi là: Niệm, Tinh tấn, Hỷ, Ý, Định, Xả và Trạch. Tám Thánh đạo là: Chánh Kiến, chánh Tư duy, chánh Ngữ, chánh Nghiệp, chánh Mạng, chánh Tinh tấn, chánh Niệm, chánh Định.

Mười Lực là: Thị xứ phi xứ lực, Nghiệp lực, Định lực, Căn lực, Dục lực, Tánh lực, Chí xứ đạo lực, Túc mạng lực, Thiên nhãn lực và Lậu tận lực. Mười lực của Phật là: Năng lực biết đúng hay sai, thiện chiêu cảm quả báo an vui, ác thì gặp quả khổ, nhân quả tương ứng gọi là thị xứ. Trái lại nghĩa trên gọi là phi xứ. Đức Phật ở trong hai nơi đúng, sai đều biết rõ như thật, nên gọi là Thị xứ phi xứ lực. Hai là nghiệp lực. Nghĩa là tất cả nghiệp của chúng sanh ba đời, nơi tạo nghiệp, chốn chịu quả báo, đều biết như thật. Ba là Định lực. Nghĩa là ở trong các thiền định đều phân biệt rõ cấu tịnh đều biết như thật. Bốn là Căn lực. Nghĩa là tương trên dưới các căn của chúng sanh, đều biết rõ như thật. Năm là Dục lực. Nghĩa là biết đủ loại các tham muốn của chúng sanh khác. Sáu là Tánh lực. Nghĩa là biết các tánh của thế gian. Bảy là Chí đạo xứ lực. Nghĩa là biết tất cả tướng của nơi đạo đến. Tám là Túc mạng lực. Nghĩa là biết tất cả đời trước của chúng sanh. Chín là Thiên nhãn lực. Nghĩa là biết thiên nhãn tịnh của Đức Phật vượt hẳn trời người, thấy các chúng sanh ở khắp mọi nơi. Mười là Lậu tận lực. Nghĩa là Đức Phật đã diệt hết các lậu, giải thoát tất cả, biết rõ như thật phiền não, kiết sử rỉ chảy gọi là lậu, lậu không còn nên gọi là Lậu tận. Do trí tuệ của Như lai ở trong mười cảnh này chiếu đến vô cùng không bị ngăn ngại nên gọi là Lực.

Bốn Vô úy là: Nhất thiết trí vô úy, Lậu tận vô úy, Thuyết chướng đạo vô úy, Thuyết tận khổ đạo vô úy. Nhất thiết trí vô úy là Đức Phật tuyên bố “Ta là bậc Nhất thiết chánh trí, không có trời, người nào có thể như thật hỏi khó khiến Ta nói: Không biết Pháp này; cho đến không còn một chút sợ sệt”. Lậu Tận vô úy là Đức Phật tuyên bố “Ta là bậc diệt trừ hết các lậu, không có người nào có thể như thật hỏi khó là Ta không thể diệt trừ các lậu này, cho đến không còn một chút sợ sệt”. Thuyết chướng đạo vô úy là Phật tuyên bố “Ta giảng thuyết pháp chướng ngại, không có người nào có thể như thật hỏi khó là Ta thọ pháp chướng ngại thì không thể chướng đạo, cho đến không còn một chút sợ sệt. Pháp mê hoặc làm ngăn ngại bậc Thánh, gọi là chướng ngại đạo”. Thuyết tận khổ đạo vô úy là Đức Phật tuyên bố “Ta thuyết giảng đạo Thánh vượt khỏi thế gian, theo đó mà thực hành thì diệt các khổ, không có trời

người nào như thật mà hỏi khó thực hành đạo của bậc Thánh thì không ra khỏi thế gian, không thể diệt hết các khổ cho đến không còn một chút sợ hãi. Có khả năng diệt trừ phiền não, gọi là Tận khổ. Nạn không lo sợ gọi là vô úy.

Bốn Trí vô ngại là Trí nghĩa vô ngại, Trí pháp vô ngại, Trí từ vô ngại, Trí lạc thuyết vô ngại. Do hiểu được nghĩa của danh tự gọi là nghĩa. Từ danh tự mà hiểu được pháp đó, gọi là pháp. Lời giảng thuyết về pháp, gọi là từ. Tùy theo sự ưa thích mà truyền trao, gọi là lạc thuyết, thông suốt, không ngưng trệ, gọi trí vô ngại.

Mười tám pháp Bất cộng. Một là thân của chư Phật không lỗi, thân luôn làm theo thiện, gọi là không lỗi. Hai là miệng không lỗi, miệng nói theo thiện gọi là không lỗi. Ba là nhớ nghĩ không sai lầm, nhớ không sai lệch, gọi là không lỗi lầm. Bốn là tướng không khác, kể oán, người thân đều bình đẳng bảo vệ, gọi là tướng không khác. Năm là tâm không bất định, thường trú tam muội, không chút tán loạn, gọi là tâm định. Sáu là biết rồi xả, những việc lớn nhỏ đã trải qua trong lòng biết rồi về sau không đề cập đến, gọi là biết mà xả. Bảy là tham muốn mà không diệt, mong cầu thiện đầy đủ, gọi là không diệt. Tám là tinh tấn không diệt, chuyên tu không ngừng, gọi là tinh tấn. Chín nhớ nghĩ không diệt, giữ cảnh trói buộc trong tâm, gọi là nhớ nghĩ. Mười là tuệ không diệt, quyết đoán trong các duyên gọi là trí tuệ. Mười một là giải thoát không diệt, dứt hẳn các trói buộc, gọi là giải thoát. Mười hai là giải thoát tri kiến không diệt, đối với sự giải thoát có thể hiểu biết tường tận, gọi là giải thoát tri kiến. Biết hết thấy gọi là không diệt. Mười ba là thân làm theo trí tuệ. Hình sắc hoạt động gọi là nghiệp thân. Thân thuận theo trí tuệ gọi là tùy theo trí tuệ mà làm. Mười bốn khẩu nghiệp tùy trí hành. Mười lăm là nghiệp của ý tùy theo trí tuệ; suy nghĩ việc làm, gọi là nghiệp ý. Mười sáu là trí tuệ biết thông suốt các đời quá khứ, những việc đã qua ở quá khứ, gọi là quá khứ, có thể biết tất cả các cảnh qua rồi ở quá khứ. Mười bảy là trí tuệ biết thông suốt ở đời vị lai. Những việc chưa xuất hiện gọi là vị lai, biết thông suốt hết cảnh ở vị lai. Mười tám là trí tuệ biết rõ ở đời hiện tại. Những việc đang hiện ra gọi là hiện tại, biết rõ tất cả cảnh ở hiện tại. Mười tám pháp bất cộng này chỉ có Đức Phật mới có, các quả vị dưới không có, nên gọi là Bất cộng pháp.

Mười hiệu là Như lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự Trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Bà già. Như lai là bậc nương vào đạo như thật mà thành Chánh giác, gọi là Như lai. Ứng cúng là trong đầy đủ Trí đoạn đáng

được thọ trời người cúng dường, gọi là Ứng cúng. Chánh biến tri là hiểu biết dứt trừ sai lầm, gọi là Chánh. Soi rõ các cảnh gọi là Chánh Biến tri. Minh hạnh tức là Minh và Hạnh đầy đủ, gọi là Minh hạnh túc. Thiện thế, Thiện là khéo léo, Thế là đi, đi đến Niết bàn không còn trở lại, nên gọi là khéo léo vượt qua. Thế gian giải là trí tuệ biết rõ hai loại chúng sanh và khí thế gian, nên gọi là Thế gian giải. Vô thượng sĩ là công đức và trí tuệ viên mãn vượt hẳn người khác, không ai sánh bằng, gọi là Vô thượng sĩ. Điều ngự trượng phu là dùng pháp tối thắng của ba thừa tùy theo căn cơ mà điều phục, gọi là Điều ngự trượng phu. Thiên nhơn sư là công đức đầy đủ, là bậc dẫn đường trời người, gọi là Thiên nhơn sư. Quả vị Phật phiền âm là Giác. Giác là không ngại nên gọi là Phật-đà. Bà-già-phạm là diệt trừ các phiền não nên gọi là Bà-già-phạm.

Năm nhãn là: Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn, gọi là năm nhãn. Nhục nhãn là chướng ngại bên trong, tiếp cận với sắc. Thiên nhãn chướng ngại bên ngoài xa lìa sắc. Tuệ nhãn là chiếu tỏ quán không. Pháp nhãn là chiếu sáng các cõi. Phật nhãn là chiếu sáng cả không và hữu, vượt qua bốn nhãn trên, có thể biết tất cả đều là sáng tịnh. Khi nói về mắt đều là công dụng tốt để phân biệt cảnh nhưng không đồng nhau, nên phân ra có năm loại.

Ba mươi hai tướng của bậc đại nhân. Một là dưới bàn chân bằng phẳng. Hai là dưới bàn chân có ngàn xoáy tròn. Ba là ngón tay thon dài. Bốn là gót chân đầy đặn. Năm là chân tay đều có mào như lưới giăng. Sáu tay chân mềm mại. Bảy là mu chân đầy như vua Y-ni-cận-lộc. Tám là xương mắc cá không thấy. Chín là tay dài quá đầu gối. Mười là nam căn ẩn kín như mã vương. Mười một là thân hình cao lớn như cây Ni câu loại. Mười hai là lỗ chân trên thân đẹp. Mười ba là mỗi lông trên thân đều xoáy về bên phải. Mười bốn là thân thể sáng chói như vàng ròng. Mười lăm là quanh mình có hào quang chiếu ra một trượng. Mười sáu là da mỏng, mịn, và mềm bụi dơ không bám vào. Mười bảy là bảy nơi hai tay, hai chân, hai vai và đỉnh đầu đều đầy đặn. Mười tám là thân trên như sư tử chúa. Mười chín là cánh tay và khủy tay tròn đầy. Hai mươi là xương vai ngang bằng. Hai mươi một là thân tròn ngay thẳng. Hai mươi hai là bốn mươi cái răng. Hai mươi ba là răng trắng sạch. Hai mươi bốn là răng đều đặn khít nhau. Hai mươi lăm là xương má cao đầy đặn như sư tử chúa. Hai mươi sáu là đối các mùi vị đều được vị hảo hạng. Hai mươi bảy là cục thịt (trên đỉnh đầu) như búi tóc. Hai mươi tám là lưới dài và rộng. Hai mươi chín là âm thanh như Phạm thiên. Ba mươi là mắt xanh biếc. Ba mươi một là mắt sáng như ngư vương. Ba mươi hai là có

chòm lông trắng giữa hai lông mày.

Tám mươi vẻ đẹp phụ theo. Từ cổ họng trở xuống có sáu mươi vẻ đẹp. Từ cổ họng trở lên có hai mươi vẻ đẹp. Tổng cộng là tám mươi vẻ đẹp. Từ cổ họng trở xuống có sáu mươi vẻ đẹp là. Đủ hai mươi móng tay, chân tám chỗ trong ngoài đều đầy đặn. Hai mắt cá, hai đầu gối, hai vai, hai cổ tay, hai đùi vế, hai cánh tay, hai tướng âm tàng tròn, hai bắp tay, hai sườn, hai nách, hai vú, eo lưng, tim, rốn, cổ họng đều che kín. Trên cổ họng có hai mươi vẻ đẹp. Ở giữa tai và răng có hai môi, hai lợi, hai má, hai tóc mai, hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, hai lông mi, hai vầng trán, hai xương trán. Đây gọi là trên cổ họng có hai mươi vẻ đẹp. Nếu người phạm giới thì không tính, chỉ là hạng thấp kém, hưởng nữa là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, tướng tốt sai khác trong ba đời vô lượng. Tu tập trong ba A tăng kỳ kiếp gọi là vô lượng, làm an vui cho chúng sanh gọi là vô lượng Tâm, mỗi mỗi việc làm lành gọi là vô lượng Hạnh, tu tập đầy đủ các công đức thì xuất hiện các tướng tốt của Như lai.

#### ***Thứ tư: Danh nghĩa pháp môn trong phẩm lý giáo***

Ba Phật là Pháp Phật, Ứng Phật và Báo Phật. Pháp Phật là pháp thân của Phật, gọi là Pháp Phật, phàm Thánh đều có, nhưng ẩn hiện có sai khác, do mê hoặc chướng ngại chưa dứt trừ. Phật, tánh thường ẩn kín, phiền não đã hết, pháp thân mới hiện, chỉ do liễu nhân mà thị hiện, không từ nhân đâu mà sanh. Báo Phật là báo thân của Phật, gọi là Báo Phật. Tu nhưn được quả gọi là Báo. Ứng Phật là ứng thân của Phật, gọi là Ứng Phật, tùy theo sự cảm ứng mà xuất hiện, gọi là Ứng. Bắt đầu tu tập Văn, Tư, Tu, tu tập nhiều có thể hiểu rõ Pháp Thân mà sanh Báo, Ứng. Luận Bát nhã dạy: Đối với lý chân thật làm hiểu rõ nhân, cũng là còn sanh nhân.

Tam bảo là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo. Tam bảo có ba loại. Một là Tam bảo cùng một thể. Thể của pháp thân có giác ngộ nhiệm mầu, gọi là Phật bảo. Thể của pháp thân có khuôn phép nhiệm mầu, gọi là Pháp bảo. Pháp thân xa lìa sự tranh chấp, gọi là Tăng bảo. Hai là tướng sai khác của Tam bảo. Là hóa thân lớn bằng một tượng sáu là Phật bảo. Không giảng thuyết pháp là Pháp bảo. Đại thừa từ Thập Tín trở lên; Tiểu thừa từ sơ quả trở lên, gọi là Tăng Bảo. Ba là Tam bảo trụ trì, như lấy đất làm trang thờ, làm tượng Phật đẹp để thờ, gọi là Phật bảo. Giấy trắng, lụa, bút tre dùng làm Pháp bảo. Tỳ-kheo phàm phu gọi là Tăng bảo.

Ba tạng là tạng Tu-đa-la (Kinh) giải thích về hai môn học giới, định tùy theo căn cơ để trừ bệnh. Tạng Tỳ-ni (Luật) chỉ giải thích về giới học. Tạng Ma-đức-lặc-già (Luận) chỉ giải thích về tuệ học cũng gọi là A-tỳ-đạt-ma. Ba tạng này đại thừa và tiểu thừa phân làm hai tạng, đó là Tạng Thanh văn và Bồ tát.

Ba thừa là Thanh văn, Duyên giác và Phật Bồ tát.

Năm thừa là Người, Trời, Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát thừa có thể chuyển chúng sanh từ nơnh đến quả nên gọi là Thừa.

Hai đế, một là Thế đế, gọi là Tục đế. Hai là Đệ nhất nghĩa đế cũng gọi là Chơn đế. Duyên pháp không tỏ rõ danh, dụng muôn ngàn sai biệt nói để hiển tướng, đều gọi là Thế đế. Đế là chân thật. Đối với phàm cho là thật nhưng với bậc Thánh chẳng phải thật, nên gọi là Thế đế. Đệ nhất nghĩa đế là chơn vọng bình đẳng, dơ sạch không hai, không thật, không tướng, không giải thích đều thuộc về Đệ nhất nghĩa đế. Bậc Thánh ra khỏi thế gian mới chứng lý này, chân thật tối thắng không gì bằng nên gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Chư Phật thuyết pháp dựa vào hai đế này cùng xiển dương một pháp mà không có chống trái nhau. Kinh Duy-ma dạy: Không ngã, không tạo, không thọ, nghiệp thiện ác cũng chẳng khác vậy. Câu trên nói rõ không tạo, không thọ, câu dưới nói có thiện ác, câu trên, dưới đâu có tương phản, có lý thì có thông suốt hợp nhau, không thể chấp sai lệch. Người đời chấp trước Không mà trái ngược với giáo pháp, đâu thể không mê mờ!

Bốn đế là Khổ đế, Tập đế, Đạo đế và Diệt đế. Bốn đế có hai, Tiểu thừa là Hữu tác Tứ đế, Đại thừa là Vô tác Tứ đế. Quả sanh tử là Khổ đế. Phiền não là Tập đế. Sự vắng lặng của bậc Thánh gọi là Diệt Thánh đế. Do không hai pháp (Trung đạo) mà đặc đạo gọi là Đạo thánh đế. Đại thừa Vô tác Tứ đế: quán khổ Thánh đế. Biết tập không hòa hợp là Tập thánh đế. Biết diệt không diệt là Diệt thánh đế. Do không hai pháp mà đặc đạo gọi là Đạo thánh đế.

Ba pháp Ấn là: Tất cả tác pháp vô thường, tất cả pháp vô ngã, Niết bàn vắng lặng. Pháp hữu vi lưu chuyển vô thường, thể nhờ duyên mà khởi, biến đổi không tồn tại, nên gọi là vô thường. Các pháp vô ngã, thể không có công dụng thực tánh tự tại, nên gọi là vô ngã. Đại thừa phân vô ngã làm hai, Niết bàn vắng lặng là diệt trừ hết không còn ba độc sáu cấu, thể vắng lặng gọi là Tịch Diệt. Nếu theo đại thừa thì cũng thông cả lý diệt. Ba pháp thành gọi là Ấn, không chuyển dời, sửa đổi gọi là Ấn.

Sáu Cấu là: Tác hại, oán hận, phiền não, lừa dối, kiêu căng, dua

ninh.

Bốn Ưu-đàn-na là tất cả hành vô thường, tất cả hành khổ, tất cả pháp vô ngã và Niết bàn vắng lặng.

Bốn loại Tất đàn là Thế giới tất đàn, Các vị nhưn tất đàn, Đối trị tất đàn và Đệ nhất nghĩa tất đàn. Bốn pháp này bao gồm hết thủy mười hai bộ kinh và tám vạn bốn ngàn pháp tạng, đều là thật tướng, không trái nghịch nhau. Trong pháp Phật có khi dùng Thế giới tất đàn, có khi dùng đối trị tất đàn cho là thật. Có khi dùng đệ nhất nghĩa để tất đàn cho là thật. Lại kinh Hữu Phật nhị dạ dạy: Từ đêm Đức Phật thành đạo đến đêm nhập Niết bàn, thời gian đó Đức Phật đã giảng thuyết kinh đều chơn thật, không điên đảo. Tên của tất đàn này như nói ở dưới được trích trong quyển thứ nhất của luận Trí độ.

Mười hai bộ kinh là Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Già-đà, Ưu-đà-na, Ni-đà-na, A-ba-đà-na, Y-đế-mục-đa-già, Xà-đà-già, Tỳ-Phật-lược, A-phù-đà-đạt-ma, Ưu-ba-đê là mười hai bộ kinh gọi là Tạng. Tu-đa-la là tất cả Kinh căn bản và hết thủy pháp luận. Từ “ Nghe như vậy...vui vẻ phụng hành” không hỏi quyển thứ bao nhiêu, đều gọi là Tu-đa-la. Kỳ-dạ là thuyết trực tiếp kệ, không thuyết lại. Kinh Thọ ký, như Đức Phật Thích Ca thọ ký cho Bồ tát Di Lặc đời vị lai thành Phật là Thọ ký. Già-đà là kệ tụng lại không thuyết trực tiếp. Ưu-đà-na là kinh không hỏi mà tự nói. Ni-đà-na là kinh nói về nhân duyên. A-ba-đà-na là kinh Thí dụ. Y-đế-mục-đa-già là kinh kinh giới, cũng gọi là kinh Bốn sự. Xà-đà-già là kinh Bốn sanh. Như Đức Phật Thế tôn xưa kia làm Bồ tát đã từng làm thân này. Tỳ-Phật-lược là kinh quảng, gọi là kinh Đại thừa phương đẳng, nghĩa rất rộng lớn như hư không. A-phù-đà-đạt-ma gọi là kinh Vị tăng. Như Đức Phật khi mới sanh mười phương đều đi bảy bước, khi cúng dường mẹ, đành lễ xin nghe thuyết pháp, những việc xưa như vậy gọi là kinh Vị tăng hữu. Ưu-ba-đê-xá là kinh luận nghị. Như Đức Phật Thế tôn đã giảng kinh, phân biệt, biện luận rộng rãi về các tướng.

Ba loại Bát nhã, một là Thật tướng bát nhã. Hai là Quán chiếu bát nhã. Ba là Văn tự bát nhã. Thật tướng bát nhã là lấy lý làm thể. Thể hoàn toàn không hư dối, căn bản là chân thật. Thể đã ẩn thì hiện rõ hình, gọi là tướng, cũng có thể cho vô tướng là tướng. Quán chiếu bát nhã là lấy trí tuệ làm thể, thể là bát nhã, quán chiếu là dụng. Thể dụng hòa hợp mà nói nên gọi là quán chiếu bát nhã. Văn tự bát nhã là lấy âm thanh lời nói để giải thích làm thể, văn tự chẳng phải là bát nhã, vì sao gọi là Bát nhã? Vì một là thường sanh bát nhã. Hai là luôn giải thích bát nhã. Trong nhân mà nói quả đã qua, nên gọi là Bát nhã.

Hai loại Niết bàn, một là tánh tịnh Niết bàn, hai là phương tiện Niết bàn. Tánh lý chơn thật thanh tịnh tự nhiên, thể thông cả ba cõi, đức tròn đầy, vốn không tăng giảm, tuy ẩn hiện theo duyên mà thể thì không nhiễm, cho nên lấy tên để hiểu rõ thật, gọi là Tánh tịnh Niết bàn. Phương tiện tịnh là bản tánh nhận thức của chúng sanh tuy có chơn tánh nhưng bị phiền não che lấp, nên chẳng xét lại được chính mình, chủ yếu nhờ sách vở, thiện tri thức chỉ bảo mới thuận theo giáo lý tu tập thì sự lý mới sáng tỏ, hiểu biết càng tăng, phiền não mê hoặc diệt hết, bấy giờ Thể, Dụng, Hạnh mới được phương tiện thực hành. Vì thế, quả không tự mình ra sức có sai khác diệt phiền não mà có thành. cho nên từ nghĩa Năng tác (chủ thể) cho mình gọi là phương tiện tịnh. Gồm có: Tánh Phân biệt, tánh Y tha, tánh Chơn thật.

Hai vô ngã. Một là Nhơn vô ngã, hai là Pháp vô ngã. Nhơn vô ngã cũng gọi là chúng sanh không, còn gọi là Nhơn không. Bắt đầu là từ chúng sanh không cho đến Phật không gọi là Nhơn không, như lấy lông rùa để phá chấp. Pháp vô ngã cũng gọi là pháp không. Ngũ ấm của chúng sanh là không, cho đến ngũ ấm của Phật cũng không, gọi là Pháp không. Năm ấm là pháp thành tựu chúng sanh, thể năm ấm là không, gọi là pháp không, như ở trên dụ lấy sừng thỏ mà phá chấp.

Ba vô tánh. Một là tánh Vô tướng, hai là tánh Danh sanh, ba là tánh Vô tánh. Tánh Vô tướng là các pháp căn trần chấp vào lý vắng lặng, gọi là tánh Vô tướng. Vô Sanh tánh là các nhận biết của tâm bám vào lý mà không khởi, gọi là tánh Vô sanh. Tánh Vô tánh là trừ bỏ hết hai loại trên, gọi là tánh Vô tánh. Vô tánh thể là một, từ đây giải thích mà có ba tên đó, gọi là tánh Vô tánh.

Ba không, một là Tam muội không, hai là Tam muội vô tướng, ba là Tam muội vô nguyện. Gọi ba không là do chúng sanh mê chấp, tính toán nhiều nhưng nói tổng quát chỉ có ba loại để đối trị các mê hoặc nên nói Không, không cũng là ba. Ba mê hoặc là chấp vào hữu, nên còn có không. Hai là có tướng trạng nên muốn diệt trừ thì dùng vô tướng. Ba là do hữu tình còn mong cầu nên rộng phải dùng Vô nguyện. Tam muội không sanh ấm không thật gọi là không, dơ cấu đình chỉ ở không này gọi là Tam muội Không. Tam muội Vô tướng là hoàn toàn không có hình tướng, gọi là Vô tướng, đình chỉ suy nghĩ về vô tướng, gọi là tam muội vô tướng. Tam muội vô nguyện là không có sự mong cầu, gọi là Vô nguyện, an nhiên không mong cầu, gọi là tam muội Vô nguyện.

Ba Vô vi là Số diệt vô vi, Phi Số diệt vô vi và Hư không vô vi. Số diệt vô vi đại thừa và tiểu thừa đều dùng phẩm số trí tuệ để đoạn



trừ phiền não, tùy chỗ mà diệt bỏ từng phần, gọi là Số diệt vô vi. Phi Số diệt vô vi là vạn vật thế gian có thành tức có hoại, lâu ngày tự diệt, không do trí đoạn, như cỏ khô, cây mục, hoa héo, quả rụng như các loại này gọi là Phi Số diệt vô vi. Hư không vô vi là thể trống rỗng là pháp không phải tạo tác, gọi là Hư không vô vi.

Mười tám Không là Nội không, Ngoại không, Nội ngoại không, Không không, Đại không, Đệ nhất nghĩa không, Hữu vi không, Vô vi không, Tất cánh không, Vô thủ không, Tán không, Tánh không, Tự tướng không, Chư pháp không, Bất khả đắc không, Vô pháp không, Hữu pháp không và Vô pháp hữu pháp không. Mười tám pháp không này cứ thứ tự làm mê hoặc chúng sanh, không thể từ bỏ ngay. Nghe lời nói khởi sanh chấp còn ngưng trệ, nên cần có mười tám pháp Không này để phân tán mê hoặc. Trong luận Lục tức đại trí độ giải thích rõ nghĩa này, nghĩa rộng lớn nên không thể trình bày đủ ở đây.

Ba chuyển là: Một Thị tướng chuyển, hai là Khuyển tướng chuyển, ba là Chứng tướng chuyển. Thị tướng chuyển là chỉ rõ tướng của Hữu tác, Vô tác Tứ đế. Đây là Khổ, Đây là Tập, Đây là Diệt, Đây là Đạo, gọi là Thị tướng chuyển. Khuyển tướng chuyển là khuyên biết, khuyên tu tướng của Tứ đế. Khổ nên biết, Tập nên đoạn, Diệt nên chứng, Đạo nên tu, gọi là Khuyển tướng chuyển. Chứng tướng chuyển, Đức Phật dạy: Khổ Ta đã biết, Tập Ta đã đoạn, Diệt Ta đã chứng, Đạo Ta đã tu, gọi là Chứng tướng chuyển. Kinh dạy: Ba chuyển pháp luân ở trong Đại thiên là nghĩa này, cũng có thể chuyển giáo lý Ba thừa nên gọi là Ba chuyển.

Bảy loại Thiện một là trước, giữa và sau đều thiện. Hai là nghĩa đó chơn thật. Ba là lời nói khéo léo. Bốn là tiếng nói trong thanh. Năm là đúng không tạp loạn. Sáu là đầy đủ sự trong sáng. Bảy là tướng của phạm hạnh.

Luận năm minh là Nội minh, Nhân minh, Thanh minh, Y phương minh, Công nghiệp minh. Nội minh là luận trong giáo lý của Phật. Nhân minh có thể đánh đổ các luận phái khác, biện minh cho nghĩa lý của mình, gọi là Nhân luận. Thanh minh là hiển bày tất cả âm thanh với những lời nói khéo léo khác nhau, gọi là Thanh luận. Y phương minh có bốn loại. Một là biết rõ nguyên nhân của bệnh có khác nhau. Hai là biết rõ nguyên nhân của bệnh. Ba là có khả năng chữa trị bệnh đã phát sanh. Bốn là có khả năng chữa trị bệnh đã phát sanh và không còn tái phát. Công nghiệp minh là biết rành sự thành công các việc ở thế gian. Năm loại minh này Bồ tát đều mong cầu.

***Thứ năm: Danh nghĩa pháp môn trong phẩm Hiền thánh***

Bảy bậc Học nhưn là Tu-đà-hoàn hương, Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm hương, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm hương, A-na-hàm quả, A-la-hán quả đây là bảy bậc Học nhưn của tiểu thừa. Tu tập mà chưa đạt đến gọi là hương còn đạt được gọi là quả. Bảy bậc Học nhưn này trong pháp tiểu thừa, quả thực hành chưa đầy đủ, tiến đến chưa nghỉ, gọi là Học nhưn. Chỉ có bậc A-la-hán trong tiểu thừa quả mới đầy đủ, không tiến tới học nữa, nên gọi là bậc Vô học. Nếu ở trong pháp đại thừa chỉ có Phật là bậc Vô học.

Bốn quả Sa môn là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán. Quả Tu-đà-hoàn là tiếng Trung quốc, là tu tập vô lậu cũng gọi là Nghịch lưu, hay Giải trái (trút bỏ gánh nặng) đây là quả đầu tiên của bậc Thánh, hiểu được vô ngã, thấy chơn đế, mãi mãi đoạn trừ các hữu lậu mê hoặc, nên gọi là tu tập vô lậu, đã hiểu được vô lậu chơn chánh có thể quay lưng sanh tử nên gọi là Nghịch lưu, nghịch dòng sanh tử. Với năng lực mạnh vô lậu này có thể trừ bỏ khổ não trong ba đường, trút bỏ nợ ở ba chốn. Tư-đà-hàm là đoạn hết nhanh các hoặc vi tế của tu đạo mà ba bậc đều trừ bỏ, cho đến phiền não của Tu đạo ở cõi Dục. Đây phân làm chín phẩm. Sáu phẩm trước là thô, ba phẩm sau là tế. Bậc Tư-đà-hàm đoạn trừ sáu phẩm trước. Sau đó trút trong ba phẩm tế làm mỏng dần. Quả đó còn giữ tên từ tiếng Ấn độ nên gọi là Tư-đà-hàm. A-na-hàm là tiếng Ấn độ, Trung quốc dịch là Bất hoàn cũng gọi là Xuất ứ nê đã đoạn trừ hết phiền não cõi Dục, sanh lên cõi thứ hai chỉ còn một lần sanh lại cõi Dục nên gọi là Bất hoàn. Phiền não cõi Dục như bùn dơ, diệt trừ hết cả nên gọi là ra khỏi bùn lầy Dục giới. Quả đó còn giữ tên từ tiếng Ấn độ gọi là A-na-hàm. A-la-hán, Trung quốc dịch là Ứng cúng, cũng gọi là Sát tặc, hay Bất sanh có đầy đủ Trí, Đoạn xứng đáng thọ vật cúng dường, gọi là Ứng cúng. Người có công đức cướp lấy phiền não của ba cõi, trừ sạch hết xong, nên gọi là Sát tặc. Phiền não đã hết, hạt giống nghiệp tiêu tan, không còn thọ sanh trong ba cõi. Quả này tiếng Ấn gọi là A-la-hán. Bốn quả này thông cả đại thừa lẫn tiểu thừa. Trong pháp đại thừa, quả vị Phật là A-la-hán.

Hai quả Phật Bích chi. Một là xuất hiện ở đời mà không có Phật, tự mình quán xét lý vô thường mà đắc đạo, gọi là Duyên giác Bích chi. Hai là ra đời gặp Phật nghe pháp Mười hai nhân duyên, quán lý nhân duyên mà ngộ đạo, gọi là Thanh văn Bích chi, ở trong ba thừa đây là bậc Trung, cũng được hai loại Niết bàn Hữu dư, Vô dư. Phật Bích chi Trung quốc gọi là Duyên giác. Bích chi là Duyên, Phật là Giác.

Bồ tát Ma ha tát thừa. Bồ tát Trung quốc gọi là chúng sanh có tâm đạo. Ma ha tát là chúng sanh có tâm đạo lớn. Người này phát tâm mong cầu Phật, lợi mình và người, thực hành đầy đủ sáu độ, tu tập tướng tốt của Phật, học oai nghi của Phật, an trú trong biệt giáo của ba thừa, gọi là Đại thừa.

Mười Tín của Bồ tát là quả vị Tập chủng tánh đầu tiên bên ngoài của Phạm phu. Mọi người trong ba thừa xả bỏ các tập khí phân biệt xưa để hồi tâm hướng về phát khởi mười tâm lớn. Một là tâm Tín, tin tưởng Phật mà vui trú trong Đại thừa, quay về tôn sùng pháp bất nhị quyết định không nghi. Hai là tâm Niệm, đối với sáu chỗ nhớ nghĩ luôn nhớ không quên. Ba là tâm Tinh tấn, theo sự nhớ nghĩ mà chuyên cần tu tập, quán xét chơn chánh. Bốn là tâm Tuệ là quán xét lại hai thứ Pháp và Nhơn đều không có ngã. Năm là tâm Vô định, giải Không, vắng lặng, chỉ tâm tĩnh lặng ở lý. Sáu là tâm Bất thoái, chánh quán thông suốt cả hai, tâm không thoái lui về sau. Bảy là tâm hồi hướng, tất cả đều bình đẳng hồi hướng để xả bỏ. Tám là tâm Hộ pháp, hiểu lý chắc chắn thọ trì không hủy hoại. Chín là tâm Giới, khéo giữ gìn nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh. Mười là tâm Nguyện, do ba nghiệp làm thiện, chính là mong cầu quả vị Bồ đề gọi là tâm Nguyện.

Tập chủng tánh có mười trụ của Bồ tát. Đây là quả vị đầu tiên của tam Hiền trong phẩm hạ Nội phạm. Một là trụ Phát tâm, bắt đầu từ cảnh giới phạm phu phát tâm đạo Vô thượng, trải qua thời gian thực hành về trí tuệ, đa văn rộng lớn của các Thánh, mới vào không giới trụ tánh, do người kia phát tâm mà được trụ này. Hai là trụ Trị địa, càng hiểu rõ hơn để đối trị tám vạn bốn ngàn pháp môn, xa lìa các trần uế, tâm địa hiển bày. Ba là trụ Tu hành, khéo quán các pháp môn đối trị, trí tuệ chiếu sáng, hiểu rõ tâm vượt qua cảnh, tu tập mọi sự nhận biết nên gọi là trụ tu hành. Bốn là trụ Sanh quý, lý hiểu rõ, thống tỏ tất cả, lại sanh trong pháp tánh chơn như, lý nghĩa đều thanh tịnh vắng lặng, gọi là trụ Sanh quý. Năm là trụ Phương tiện cụ túc, vượt qua sự hỗ trợ không và có, phước, trí, khéo tu tập không dừng, muôn điều cởi bỏ đều quay lại, nên gọi là trụ Phương tiện cụ túc. Sáu là trụ Chánh tâm, đắc được trí tuệ chơn thật tường tận, tâm an ổn với lý đúng đắn, gọi là trụ Chánh tâm. Bảy là trụ Bất thoái, không, có và không hai, hiểu được chơn lý một cách vững vàng, gọi là trụ Bất thoái. Tám là trụ Đồng chơn, từ khi phát tâm đến vị lai xa rời nhị biên, không khởi phiền não, tăng trưởng giải ngộ chơn lý, khế hợp cùng vô sanh, đắc được pháp phần của Phật, gọi là trụ Đồng chơn. Chín là trụ Pháp vương tử, đã theo pháp hóa độ chúng

sanh, đắc được phần pháp của Phật, có thể trị chân tông, khiến đứng vững trong đạo Bồ đề, gọi là trụ Pháp vương tử. Mười là trụ Quán đảnh, quán đạt chân tông, lý soi khắp tịnh, giải thoát viên mãn tối thượng, gọi là trụ Quán đảnh.

Tánh chủng tánh có mười hạnh của Bồ tát, đây là quả vị tam Hiền trong phẩm trung. Một là hạnh Hoan hỷ, trước đã quán giải (hiểu) đầy đủ, nay theo sự hiểu đó tự thực hành và giáo hóa người, xa lìa tà kiến điên đảo, vì vui trừ bỏ được lợi, gọi là hạnh Hoan hỷ. Hai là hạnh Nhiều ích, làm lợi mình đã sâu làm lợi người càng rộng, gọi là hạnh Nhiều ích. Ba là hạnh Vô sân hận, khéo làm lợi người, Từ, Bi, Hỷ, Xả kẻ oán người thân đều bình đẳng, yêu ghét không hai, gọi là hạnh Vô sân hận. Bốn là hạnh Vô tận, do tâm không nhằm chán, cứu độ chúng sanh không mệt mỏi, hành lợi tha tăng tiến không ngừng nghỉ, gọi là hạnh Vô tận. Năm là hạnh ly si loạn, tuy hành hữu vi để độ chúng sanh mà không chấp tướng như, ngã; vì vẫn còn bị Hoặc nên chuyên tâm không rời niệm Tam muội Phật, gọi là hạnh Đoạn si loạn. Sáu là hạnh Thiện hiện, tâm thường an trú Không mà thể hiện tâm từ bi giáo hóa muôn loài đều như mình, gọi là hạnh Thiện hiện. Bảy là hạnh Vô trước, tâm “Không” không trụ ở không có, hành hữu vi không nhiễm (chấp) tướng tịnh, loạn đều đạo qua, không ngưng trệ, chẳng chướng ngại, gọi là hạnh Vô trước. Tám là hạnh Tôn trọng, thường thực hành có và không mà chẳng bị lay động có không, không chánh thì nên dùng các pháp bình đẳng, tất cả đều như nhau, không thể loại bỏ, có tâm tôn trọng pháp, gọi là hạnh Tôn trọng. Chín là hạnh Thiện pháp, tự thực hành tốt các pháp, dùng các pháp này truyền trao cho người để trở thành pháp mẫu mực, gọi là hạnh Thiện pháp. Mười là hạnh chơn thật, đối với chơn đế hành tự lợi thành hạnh, với Tục đế hành lợi tha, Chơn đế không bỏ, Tục đế cũng không trái nghịch, đối với ngụy gọi là Chơn, không phải hư gọi là Thật, nên gọi là hạnh chơn thật.

Đạo chủng tánh có mười Hồi hướng, cũng gọi là Giải hạnh địa, quả vị tam Hiền trong phẩm thượng nội phàm. Một là hồi hướng cứu hộ tất cả tướng chúng sanh. Bồ tát nhiếp phục không vì chúng sanh đó không hợp an trú trong Không, nhiếp phục có vì chúng sanh không để chấp trước ở đời, đều đem tà kiến điên đảo hướng về đạo chơn chánh cứu hộ hết hết thấy chúng sanh, lìa tướng chúng sanh mà hồi hướng. Hai là hồi hướng Bất hoại, có tức là hữu vi không bị ngăn ngại, đem về Vô vi mà hướng đến Hữu vi tức Vô vi không đồng, Hữu vi và Vô vi đều thông suốt, nghĩa là thực hành thì thành tựu chẳng gì hủy hoại được, gọi

là hồi hướng Bất hoại. Ba là hồi hướng Đẳng nhất thiết Phật. Nếu như thực hành pháp Hữu vi hoàn toàn bình đẳng thì cùng với Bồ đề của chư Phật ba đời, gọi là hồi hướng Đẳng nhất thiết Phật. Bốn là hồi hướng Chí nhất thiết xứ. Nếu thường thực hành pháp chân thật khắp mọi nơi thì gọi là hồi hướng Chí nhất thiết xứ. Năm là hồi hướng vô tận Công đức tạng, đạt được tất cả các pháp chơn thật, nên thường theo lý chơn thật mà đạt được hạnh. Chứa góp tập hợp các việc thiện, lợi ích thấm nhuần vô cùng tận, gọi là hồi hướng Công đức tạng. Sáu là hồi hướng Thuận bình đẳng thiện căn, tức là do làm bình đẳng mọi việc lành nên tăng trưởng lợi ích, gọi là hồi hướng Thuận bình đẳng thiện căn. Bảy là hồi hướng Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sanh, pháp giới chúng sanh bình đẳng thuận nhất, gọi là hồi hướng Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sanh. Tám là hồi hướng Như tướng, tất cả chúng sanh đều như vậy, hết thấy pháp cũng như thế, chơn như không hai, không khác, tướng đạo như vậy, đều dung thông, gọi là hồi hướng Như tướng. Chín là hồi hướng Vô tướng, vô phược giải thoát, chơn như của chúng sanh xưa nay không bị ràng buộc Như như tức chúng sanh, chơn như không thể nắm bắt, đạo thông suốt vi diệu không bị ngăn ngại, gọi là hồi hướng Vô tướng, vô phược giải thoát. Thứ mười là hồi hướng Pháp giới vô ngại, chứng đạt các pháp đều là thật tướng của chơn như, với những sự trói buộc mà thông suốt, không có giới hạn, gọi là hồi hướng Pháp giới vô ngại. Từ đây trở lên ba mươi tâm trước là quả vị của tam Hiền trước địa. Dùng ba phẩm Phục nhĩ để diệt trừ tướng của Ngã, tướng tâm không khởi, thực hành thuận theo thiện, gọi là Hiền, nhưng chưa đoạn hết các tướng ngã, nên gọi là Nội phạm phu. Nếu thực hành quán Vô tướng thì vẫn còn đối đãi, thế nên vẫn gọi là địa vị của thế gian.

Thánh chủng tánh có mười địa của Bồ tát, từ đây trở về sau là quả vị của bậc xuất thế. Thứ nhất là địa Hoan hỷ, mới ra khỏi cảnh giới phạm phu, bắt đầu chứng được cảnh của bậc Thánh, trong tâm vui mừng dung hòa hiện ra bên ngoài nên luận Địa trì dạy: Chứng quả vị đầu tiên của bậc Thánh sanh khởi nhiều niềm vui, gọi là địa Hoan hỷ. Dùng Văn, Tư, Tu làm trí gia hạnh đoạn trừ vô minh tánh ngã của phạm phu, đạt được công đức đầy đủ làm tăng thượng Bồ thí Ba-la-mật. Hai là địa Ly cấu, tu tập pháp Trung đạo vi diệu, diệt trừ pháp cấu uế, gọi là địa Ly cấu, dùng trí gia hạnh đoạn trừ hết tất cả vô minh tà hạnh sanh khởi của chúng sanh, đạt được công đức tối thắng làm tăng thượng Giới Ba-la-mật. Thứ ba là địa Minh tùy theo Văn, Tư, Tu để soi tỏ các pháp, gọi là địa Minh. Dùng trí gia hạnh đoạn trừ hết vô minh đã quên Văn,

Tư, Tu khổ não lâu dài trong tâm, đạt được công đức thắng lưu làm tăng thượng Nhãn Ba-la-mật, đây trở về ba địa trước là tu tập chung Tam-ma-đề của đại thừa. Bốn là địa Diệm là thiền định ánh sáng bên trong phát ra trí tuệ bên ngoài soi tỏ các pháp giả dối đối với sự vắng lặng, nên gọi là địa Diệm. Dùng trí gia hạnh đoạn trừ hết vô minh, những phiền não vi tế sanh thân kiến, đạt được công đức vô nhiếp làm tăng thượng Tinh tấn Ba-la-mật. Năm địa Nan thắng, trí phương tiện khéo léo vượt khỏi thế gian hay cứu độ những việc khó độ, gọi là địa Nan thắng. Dùng trí gia hạnh đoạn trừ hết vô minh, bát Niết bàn của thừa dưới, đạt được công đức không khác làm tăng thượng thiền Ba-la-mật. Thứ sáu địa Hiền tiền, trí tuệ rộng lớn hiển hiện. Dùng trí gia hạnh đoạn trừ hết vô minh, hành tướng thô, đạt được công đức thanh tịnh không nhiễm làm tăng thượng Bát nhã Ba-la-mật, từ đây trở về ba địa trước thì tu tập tất cả phước đức sanh Tam-ma-đề. Thứ bảy địa Viển hành, chiếu soi các pháp thấy là Không, với có mà không chấp trước, thấy pháp rõ Không, đối với Không chẳng có chứng mà vẫn vượt khỏi chín cõi hai thừa ở thế gian, gọi là địa Viển hành. Dùng trí gia hạnh đoạn trừ hết vô minh, các hành tướng vi tế, đạt được công đức không phân biệt làm tăng thượng Phương tiện Ba-la-mật. Thứ tám địa Bất động, Hành của báo thuận thực Vô minh, không gián đoạn, gọi là địa Bất động. Dùng trí gia hạnh đoạn trừ hết vô minh, với vô minh làm công dụng của tâm, đạt được tất cả công đức làm tăng thượng Nguyện Ba-la-mật. Thứ chín địa Thiện huệ, các nạn sắc ngăn che đã trừ, tâm ngưng trệ diệt sạch, thuyết pháp năng lực vô ngại, thành tựu lợi ích, nên gọi là địa Thiện huệ. Dùng trí gia hạnh đoạn trừ hết vô minh, được lợi ích chúng sanh chẳng do công dụng, đạt được công đức trí tự tại làm tăng thượng Lực Ba-la-mật. Từ đây trở về ba địa trước tu tập chung Tam-ma-đề Hiền Hộ (thiền định). Thứ mười là địa Pháp vân, tự đắc được vô biên pháp thiện, làm lợi ích quần sanh, tâm bi che phủ như mây, pháp thấm nhuần như mưa khiến cho các căn lành khai mở, nghĩa đạo thấm nhuần. Trong luận Địa dạy: Đắc được pháp thân lớn hoàn toàn tự tại, gọi là địa Pháp vân. Dùng trí gia hạnh đoạn trừ hết vô minh, và các pháp không tự tại, đạt được công đức nghiệp nhân ở nơi tâm, làm tăng thượng Trí Ba-la-mật. Tất cả các địa này tu tập Tam-ma-đề trong kinh Thủ lăng. Mười một là địa Đăng giác thể uyên thâm thật vắng lặng, tâm an ổn bình đẳng, các trí chỉ có một tướng không hai, gọi là địa Đăng giác, cũng gọi là địa Vô cấu, đoạn trừ hết các tập khí phiền não, nên gọi là tâm Kim cang đoạn trừ Vô minh trụ địa. Mười hai là địa Diệu giác, trong chiếu sáng

viên mãn, thông suốt các pháp tánh, thể không tu mà thật vô cùng tận, gọi là Diệu giác cũng gọi là địa vị Phật, các trí Bồ đề vô thượng xuất hiện, vững chắc về sau đạt được Cực thường quả, an trú trong Đẳng giác trước, diệt trừ hết các tập khí sanh tử phiền não, gọi là đạo Vô ngại. Ở địa này chứng được quả Bồ đề và quả ngoài Niết bàn, gọi là đạo giải thoát. Mười hai bậc Thánh trước, gọi là địa. Có hai là nghĩa của Thể. Vì có khả năng giữ gìn vạn đức, nên gọi suốt chung là Địa.

Bốn mươi hai Hiền Thánh là mười Giải, mười Hạnh, mười Hồi hướng, mười Địa, Đẳng giác và Diệu giác, tổng cộng gồm bốn mươi hai Hiền Thánh.

Mười hai trụ địa là trụ Chứng tánh, trụ Giải hạnh, trụ Hoan hỷ hạnh, trụ Tăng thượng giới Tăng thượng ý, trụ Đạo phẩm tương ứng tăng thượng huệ, trụ Hữu hành hữu khai phát vô tướng, trụ Vô hành vô khai phát vô tướng, trụ Vô đắc, trụ Tối thượng Bồ tát, trụ Bồ tát thị Bồ tát địa vị và trụ Hành đức kiên cố. Các trụ khác nhau không đồng. Mười hai trụ này trong kinh Duy ma dạy: Trong tâm ta có mười nhà hai năm là mười hai chỗ chính là mười hai năm, chẳng phải là một năm có mười tháng ở thế gian.

Bốn hướng bốn quả của đại thừa. Tu-đà-hoàn hướng là tam Hiền Bồ tát trước địa. Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả của đại thừa là địa đầu tiên, Hoan hỷ địa của Bồ tát. Tu-đà-hoàn quả, hướng, Tư-đà-hàm của đại thừa là địa thứ hai, thứ tư, thứ năm của Bồ tát. Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm quả của đại thừa là địa thứ sáu của Bồ tát. Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm hướng là địa thứ bảy của Bồ tát. A-na-hàm quả là địa thứ tám của Bồ tát. A-la-hán hướng là địa thứ chín của Bồ tát. A-la-hán quả là địa thứ mười của Bồ tát. A-la-hán quả là Phật thừa. Vì địa thứ mười đồng với trụ cứu cánh của Phật, gọi là quả A-la-hán.

Bốn vị, một là vị Nguyện lạc, hai là vị Kiến, ba là vị tu, bốn là vị Cứu cánh. Vị Nguyện lạc là ba mươi tâm trước địa của Bồ tát tổng cộng gọi là vị Nguyện lạc, chỉ dùng trí tuệ này mà biết pháp thân, chứ chưa do trí chướng mà rõ chơn như. Do tâm mong cầu thấy biết nên gọi là Nguyện lạc. Mười Tín của Bồ tát do còn thọ phân đoạn sanh tử trong ba cõi, có phần hiểu biết quán xét Sanh không, đối trị Xiển-đề không tin làm chướng ngại, đoạn trừ trú địa phiền não, dứt hết quả báo phân đoạn sanh tử mới nhập vào quả vị của mười Giải. Mười quả vị Giải của Bồ tát do quán Sanh không mà thành tựu để đối trị với ngoại đạo chấp trước ngã làm chướng ngại. Mười hạnh của Bồ tát quán xét về tác pháp Không, tu Hạnh lợi mình và người, đối trị chướng ngại tự lợi của Thanh

văn. Mười Hồi hương của Bồ tát quán thành tựu được pháp Không, sanh khởi nguyện lực từ bi lớn, phân ra nhiều thân trong sáu đường để giáo hóa chúng sanh để đối trị chướng ngại tính tự ái của Độc giác. Ba mươi tâm trước địa của Bồ tát này đối trị chướng ngại Bốn chủng, chỉ trừ được Chánh sử chứ chưa đối trị được tập khí, chỉ có mười địa của Bồ tát mới đoạn trừ được tập khí đó. Tiếp đến đối với mười địa, tên gọi như phần dưới đây ghi. Kiến vị là được nhập vào địa thứ nhất thấy được chơn như Phật tánh trong bản thân, nên gọi là kiến vị. Tu vị là từ địa thứ hai đến địa thứ bảy, tu tập còn có dụng tâm để thực hành. Cứu cánh vị là từ địa thứ tám đến địa thứ mười, không còn dụng tâm tu tập, liên tục cho đến khi chứng được quả vị Phật, nên gọi là Cứu cánh vị.

***Thứ sáu: Danh nghĩa pháp môn trong phẩm Nhân quả.***

Ba Hành là làm thiện, làm ác và làm bất động. Phước đức của hàng trời người, gọi là làm thiện. Tội báo trong ba đường gọi là làm ác. Địa Không ở Vô sắc giới và Sắc giới, gọi là làm bất động.

Ba nghiệp là Nghiệp Trắng, nghiệp Đen và nghiệp không trắng không đen. Nghiệp hàng trời, người là trắng. Nghiệp trong bốn đường gọi là đen. Nghiệp vô lậu gọi là không trắng không đen.

Bốn Báo là một là Hiện báo, hai là Sanh báo, ba là Hậu báo, bốn là Bất định báo. Hiện tại được quả báo gọi là Hiện báo. Vị lai mới sanh quả báo gọi là Sanh báo. Từ ba đời đã qua mới được quả báo, gọi là Hậu báo. Khi gặp duyên mới thọ nhận, không nhất định trong ba thời, gọi là Bất định báo. Nghiệp thiện hay ác đều có bốn báo.

Hai Báo, một là Y báo, hai là Chánh báo. Quả ở ngoài thân gọi là Y báo. Như những việc thiện ác trong đất nước. Quả báo trên thân gọi là Chánh báo. Như những hình tướng tốt đẹp, xấu xí.

Mười Nhân. Tùy thuyết nhân, Dĩ hữu nhân, Chủng thực nhân, Nhiếp nhân, Sanh nhân, Trưởng nhân, Tự chủng nhân, Cộng kỳ nhân, Tương vi nhân và Bất tương vi nhân.

Bốn Duyên là Nhân duyên, Thứ đệ duyên, Duyên duyên và Tăng thượng duyên. Do duyên tiếp xúc sanh ra gọi là Nhân. Thành tựu Nhân hiện ra Duyên, nên gọi là Nhân duyên. Thứ đệ duyên là tâm sau nối tiếp tâm trước, các pháp tuần tự làm duyên cho nhau, gọi là Thứ đệ duyên. Duyên duyên là sáu thức thường duyên với sáu trần gọi là Duyên, sáu trần cùng với duyên pháp đó làm duyên, gọi là Duyên duyên. tăng thượng duyên là sáu căn cùng các pháp sanh ra thức, có năng lực mạnh, gọi là Tăng thượng dụng. Tăng thượng pháp làm duyên gọi là Tăng



thượng duyên.

Mười hai Nhân duyên là Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Lục nhập, Lục nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão tử. Vô minh duyên Hành là đối với duyên mà không hiểu rõ gọi là Vô minh. Do Vô minh nên phát ra hành động. Hai chi Vô minh và Hành là thuộc về Nhân quá khứ. Hành là nghiệp sanh tử. Hành duyên Thức là do hành nghiệp quá khứ phát sanh thức ở hiện tại, thần thức ban đầu thọ sanh gọi là Thức. Thức duyên Danh sắc là do có thức thọ sanh mà khởi Danh sắc. Danh sắc là năm ấm. Bốn ấm Thọ, Tưởng, Hành, Thức gọi là Danh. Sắc ấm gọi là sắc. Bốn ấm trên đều gọi là Danh, vì tâm đạo mờ mịt, ẩn kín không hiện ra để thấy chỉ làm chướng ngại, những tên gọi đó gọi là Danh. Nghĩa là khi ở trong thai sáu căn chưa có công dụng, năm ấm mới đầy đủ nên gọi là Danh sắc. Danh sắc duyên Lục nhập là do Danh sắc nên khởi Lục nhập, Lục nhập là sáu căn tiếp xúc mà sanh Thức gọi là Nhập. Nghĩa là khi sanh ra sáu căn hiển bày. Lục nhập duyên Xúc là do Lục nhập mà sanh Xúc. Do các Căn, Trần, Thức hòa hợp tiếp xúc với cảnh gọi là Xúc. Xúc duyên Thọ là do tiếp xúc với cảnh nên sanh Thọ, đối với cảnh có cảm nhận, gọi là Thọ. Năm chi từ Thức đến Thọ là quả hiện tại. Thọ duyên Ái là do cảm nhận mà sanh ưa thích, đối với duyên mà đắm nhiễm, gọi là Ái. Đây là nhân thứ nhất ở hiện tại. Do đắm nhiễm nên sanh Thủ, do nhiễm nên mê chấp có sở hữu, gọi là Thủ. Đây là nhân thứ hai của hiện tại. Thủ duyên Hữu, do chấp giữ nên sanh Hữu, thân miệng tạo tác thường chiêu cảm quả báo ở vị lai, vì quả từ nhân nên gọi là Hữu. Đây là nhân thứ ba ở hiện tại. Hữu duyên Sanh là do hiện tại sanh Hữu khiến cho vị lai thọ sanh, đối với pháp bắt đầu khởi, gọi là Sanh. Sanh duyên Lão tử, do có sanh nên có Già chết. Duyên Lão tử này gọi là Sanh duyên Lão tử, còn lại cũng đều như vậy. Sanh và Tử là hai quả báo ở vị lai. Mười hai nhân duyên là nhân duyên trói buộc trong sanh tử nên cần phải diệt những duyên này mới thoát khỏi sanh tử. Vì thế, kinh dạy: Vô minh diệt tức Hành diệt, cho đến Sanh diệt tức Lão tử diệt. Nếu phân ra ba đời thì quá khứ có hai chi, hiện tại có tám chi và vị lai có hai chi. Quá khứ chỉ có nhân, nhân quả hiện tại hợp lại mà nói. Sở dĩ như vậy là do quá khứ có nhân nên dùng năm quả để đối đáp. Vị lai có hai quả nên cần ba nhân để vừa đúng .

***Thứ bảy: Danh nghĩa của pháp môn trong phẩm Thế giới.***

Ba đời là quá khứ, hiện tại và vị lai.

Ba cõi là cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc, gọi là ba giới cũng gọi là ba Hữu. Cõi Dục từ địa ngục đến sáu cõi trời, đều là chúng sanh trong sáu dục, toàn bộ ở cõi Dục. Sắc giới gồm có bốn cõi thiên, gồm mười tám cõi trời, thiên thứ nhất của Phạm thiên trở lên không có hình bóng của người nữ, sắc thân thanh tịnh nên gọi là cõi Sắc, chẳng bị mê hoặc, tán loạn bởi những thứ tốt đẹp, chỉ tu thiền định mà sanh trong đó. Cõi Vô sắc có bốn tầng trời, những chúng sanh này ở đời quá khứ đã nhàm chán hoạn nạn chướng ngại của sắc, tu tập thiền định Vô biên hư không mà sanh trong đó, không có hình tướng chỉ có bốn tâm, gọi là cõi Vô sắc, không được nghe pháp, gọi là nạn xứ.

Hai thế gian, một là Chúng sanh thế gian, hai là Khí thế gian. Chúng sanh thế gian là tất cả những chúng sanh. Khí thế gian là đất nước, núi, sông,...

Bốn thiên hạ, phương Đông gọi là Phất-ba-đề. Phương Tây gọi là Câu-tà-ny. Phương Nam gọi là Diêm-phù-đề. Phương Bắc gọi là Uất-đơn-việt. Bốn thiên hạ này ở bốn mặt của núi Tu di. Người Diêm-phù-đề ở phương Nam sống lâu một trăm hai mươi lăm tuổi. Người Phất-ba-đề ở phương Đông sống lâu năm trăm tuổi. Người Câu-tà-ny ở phương Tây sống lâu hai trăm năm mươi tuổi. Người Uất-đơn-việt ở phương Bắc sống lâu một ngàn tuổi. Vô trung thiên là bậc Thánh không sanh trong đó, gọi là nạn xứ.

Hai mươi tám cõi trời, Dục giới có sáu cõi trời, Sắc giới có tám cõi trời, Vô sắc giới có bốn cõi trời. Sáu cõi trời Dục giới là, thứ nhất là cõi trời Tứ thiên vương, thứ hai là cõi trời Đao lợi, thứ ba là cõi trời Dạ ma, thứ tư là cõi trời Đâu suất đà, thứ năm là cõi trời Tha hóa, thứ sáu là cõi trời Tha hóa tự tại. Mười tám cõi trời của bốn thiên ở Sắc giới thiên thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ tư. Bốn cõi trời ở Vô sắc giới là cõi trời Không xứ, trời Thức xứ, trời Vô xứ hữu xứ, trời Phi tưởng phi tưởng.

Hai mươi lăm Hữu là bốn đường ác, bốn cõi trời thiên hạ, sáu cõi trời ở dục giới, trời Phạm, trời Vô tướng, trời Ngũ tịnh cư, Thiên thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư và bốn cõi trời Vô sắc giới. Tất cả gọi là hai mươi lăm Hữu.

Năm Trước, một là Mạng trước, hai là Chúng sanh trước, ba là Phiền não trước, bốn là Kiến trước, năm là Kiếp trước. Thọ mạng ngắn ngủi gọi là Mạng trước. Chúng sanh tạo ác gọi là Chúng sanh trước. Tham sân si nhiều gọi là Phiền não trước. Tà kiến sanh tử lưu chuyển

gọi là Kiến trước. Đói khát bệnh dịch đao binh dấy khởi gọi là Kiếp trước.

Tám Nạn là: Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ, Bắc-câu-lô-câu, sanh trước Phật sau Phật, sống mãi ở cõi trời, đui điếc câm ngọng và thế trí biện thông. Nên sanh vào nơi lành để đối trị năm nạn: Ba đường, Bắc- câu-lô-châu và sống mãi ở cõi trời. Gặp được người giỏi thì đối trị được sanh trước Phật hay sau Phật. Do phát tâm nguyện đời trước nên đối trị được thế trí biện thông. Được căn tốt lành thì đối trị được đui điếc câm ngọng.

Bốn đường là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh và A-tu-la, gọi là bốn thú.

Sáu đường là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, A-tu-la, Trời và Người gọi là sáu đường chúng sanh.

Ba ngàn đại thiên thế giới, một là núi Tu di, một Tứ thiên hạ, dưới địa ngục A tỳ lên đến cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng. Đây là một một giai đoạn. Chúng sanh trong ba cõi cứ tuần tự như vậy, có một ngàn núi Tu di, Tứ thiên hạ cho đến một ngàn cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng, có núi Thiết vi lớn bao quanh gọi là Tiểu thiên thế giới. Lấy một Tiểu thiên núi Thiết vi cho đến số ngàn, lại có núi Thiết vi lớn bao quanh gọi là trung thiên thế giới, cũng gọi là hai ngàn thế giới. Lấy một Trung thiên cho đến một ngàn, lại có núi Thiết vi lớn bao quanh gọi là ba ngàn Đại thiên thế giới. Những núi Thiết vi đó thứ tự cao gấp bội. Đầu tiên một Tứ thiên hạ ở núi Thiết vi cao gấp bội núi Tu di. Đến Tiểu thiên núi Thiết vi lại cao gấp bội ban đầu. Lại Trung thiên núi Thiết vi cao gấp bội Tiểu thiên. Lại ba ngàn Thiết vi cao lớn nhất. Những chúng sanh cõi Sắc ở trong bốn lớp núi Thiết vi đó, lưu chuyển sanh tử không thể thoát khỏi lao ngục. Ở đây, một số chúng sanh tạo nhiều thiện ác sai khác nên chịu đủ thứ khổ vui, ví thế gọi là thế giới Ta bà. Đức Phật Thích Ca ở trong thế giới trời buộc giáo hóa khiến được ra khỏi, do làm chủ sự giáo hóa cũng gọi là Phật thế giới, như cõi vô lượng thọ ở phương Tây có pháp giới vô lượng, vô biên hư không khắp mười phương cũng gọi như thế. Mỗi thế giới có nhiều hay ít thì không đồng, hoặc lấy hằng sa tam thiên đại thiên thế giới làm một cõi Phật, lại thanh tịnh không có ba đường ác.

TẬP HỢP DANH NGHĨA CỦA PHÁP MÔN. (HẾT).

